



Vai trò của nhà nước trong đảm bảo phân phối công bằng ở Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề đặt ra

Lê Thị Vinh*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 15 tháng 06 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 06 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 06 năm 2018

Tóm tắt: Trong bài viết này, từ góc độ tiếp cận triết học, tác giả tập trung phân tích một số vấn đề đặt ra từ thực trạng thực hiện vai trò của Nhà nước trong đảm bảo phân phối công bằng. Bài viết gồm ba nội dung chính: *Thứ nhất*, phân tích những yếu kém của Nhà nước trong đảm bảo phân phối công bằng như việc Nhà nước can thiệp bất hợp lý vào quan hệ phân phối, chưa thực hiện tốt nhiệm vụ hoạch định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách phân phối. *Thứ hai*, chỉ ra hệ quả của thực trạng Nhà nước chưa thực hiện tốt vai trò quản lý, điều tiết, phân phối – đó là sự phân hóa giàu nghèo đang có xu hướng đoãng ra và đã có biểu hiện phân cực, đe dọa sự ổn định và phát triển xã hội. *Thứ ba*, đưa ra một số nguyên tắc Nhà nước cần quán triệt hơn nữa nhằm đảm bảo phân phối công bằng.

Từ khóa: Vai trò của Nhà nước, quan hệ phân phối, phân phối công bằng.

1. Dẫn nhập

Từ năm 1986 đến nay, Nhà nước Việt Nam đã có nhiều nỗ lực cải thiện quan hệ phân phối phù hợp với cơ chế thị trường, đồng thời khắc phục “khiếm khuyết” của kinh tế thị trường. Tuy nhiên, quan hệ phân phối ở Việt Nam hiện nay vẫn chưa thực sự công bằng, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn xã hội và kìm hãm sự phát triển. Trong bài viết này, từ góc độ tiếp cận triết học, chúng tôi tập trung phân tích một số vấn đề đặt ra từ thực trạng thực hiện vai trò của Nhà nước trong đảm bảo phân phối công bằng; bởi lẽ, ở

Việt Nam hiện nay Nhà nước là chủ thể đóng vai trò quyết định trong điều tiết quan hệ phân phối, hơn nữa, đây là vấn đề mấu chốt để giải quyết các vấn đề khác như: vấn đề phát huy hiệu quả vai trò của Nhà nước và thị trường trong quan hệ phân phối, đảm bảo hài hòa giữa các nhóm lợi ích, tạo động lực phát triển, v.v..

2. Sự yếu kém của Nhà nước trong quản lý, điều tiết, phân phối

Theo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, nhà nước có hai chức năng là chức năng giai cấp và chức năng xã hội. Trong đó, chức năng giai cấp của nhà nước nhằm đảm bảo địa vị thống trị của giai cấp nắm giữ những tư liệu sản

* ĐT.: 84-985684861.

Email: levinh87@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4140>

xuất chủ yếu. Chức năng xã hội là những hoạt động của nhà nước vì lợi ích chung của cộng đồng, của đại đa số dân cư. Vai trò đảm bảo phân phối công bằng thuộc chức năng xã hội của nhà nước.

Theo lý thuyết về vị trí – vai trò xã hội, vai trò là những đòi hỏi của xã hội đặt ra đối với các vị thế xã hội. Vị thế xã hội là vị trí xã hội gắn với những trách nhiệm và những quyền hạn kèm theo [1, tr. 48-49]. Theo đó, vai trò của nhà nước được hiểu là những đòi hỏi của xã hội đặt ra đối với nhà nước trong đảm bảo phân phối công bằng. Như vậy, mức độ đáp ứng của nhà nước đối với những đòi hỏi của xã hội đặt ra là tiêu chí để đánh giá vai trò của nhà nước. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, chúng tôi không trực tiếp khảo sát mức độ hiệu quả hoạt động của nhà nước trong đảm bảo phân phối công bằng, mà dựa trên những đánh giá thực trạng thực hiện vai trò của nhà nước trong quan hệ phân phối (tham khảo các công trình của Mai Hữu Thực [2]; Nguyễn Minh Hoàn [3]; Nguyễn Thị Lan Hương [4]; Lê Bình [5]; Lương Đình Hải [6]; Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam – UNDP [7], Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Việt Thông (đồng chủ biên) [8], Ban Kinh tế Trung ương [9], v.v.. để phân tích vấn đề đặt ra. Cần nhấn mạnh rằng, chúng tôi không phủ nhận những thành tựu mà Nhà nước Việt Nam đã đạt được trong quản lý, điều tiết, phân phối; nhưng dưới đây chúng tôi chỉ tập trung phân tích sự yếu kém của Nhà nước nhằm làm rõ một số vấn đề đặt ra từ thực trạng thực hiện vai trò của Nhà nước trong đảm bảo phân phối công bằng.

Từ Đại hội VI, Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định lựa chọn mô hình phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng chính thức đưa ra khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, từ đó đến nay Đảng nhất quán xác định kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong mô hình kinh tế này, cơ chế kết hợp

hài hòa, hợp lý giữa Nhà nước và thị trường trong điều tiết, phân phối là yêu cầu tất yếu nhằm đảm bảo hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội trong quan hệ phân phối. Trong đó, Nhà nước với tư cách là chủ thể quản lý vĩ mô mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong đảm bảo phân phối công bằng. Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng vai trò của Nhà nước trong quản lý, điều tiết, phân phối ở Việt Nam hiện nay còn tồn tại những yếu kém, bất cập.

Thứ nhất, Nhà nước can thiệp bất hợp lý vào quan hệ phân phối.

Thực tiễn ở các quốc gia phát triển trên thế giới cho thấy, sự phù hợp giữa nhà nước và thị trường là tiền đề quan trọng giúp phân phối hợp lý, hiệu quả các nguồn lực, lợi ích và cơ hội phát triển. Trong đó, Nhà nước chỉ can thiệp vào quan hệ phân phối để “bổ khuyết” cho thị trường nhằm thực hiện mục tiêu công bằng và ổn định xã hội. Từ khi đổi mới đến nay, Nhà nước Việt Nam đã có nhiều điều chỉnh quan trọng trong quan hệ phân phối theo hướng giảm can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính vào quan hệ phân phối, tăng tính tự chủ cho các chủ thể kinh tế, tạo môi trường để thị trường cùng tham gia điều tiết, phân phối, nhất là trong lĩnh vực phân phối thu nhập lần đầu và phân phối các nguồn lực kinh tế. Tuy nhiên, trên thực tế, tình trạng Nhà nước “lấn sân” thị trường, can thiệp bất hợp lý vào hoạt động phân phối vẫn còn tồn tại khá phổ biến. Đơn cử trong lĩnh vực phân phối nguồn lực, lẽ ra Nhà nước chỉ nên điều tiết bằng cách hướng các nguồn lực công hoặc bằng chính sách khuyến khích khu vực tư nhân tham gia đầu tư phát triển các vùng, miền có điều kiện khó khăn hoặc các lĩnh vực thiết yếu nhằm ngăn ngừa sự chênh lệch quá lớn về trình độ phát triển giữa các vùng miền trong nước. Nhưng nhiều năm qua, trong phân phối nguồn lực, Nhà nước vẫn dành ưu tiên, ưu đãi cho các doanh nghiệp nhà nước, tạo ra “cấm địa” cho khối doanh nghiệp này. Trong nhiều trường hợp, sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước đã làm méo mó cơ chế cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế, tạo ra sự

bất bình đẳng trong phân bổ nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực công [10, tr. 59; 11, tr. 110].

Thứ hai, Nhà nước chưa thực hiện tốt nhiệm vụ hoạch định chính sách phân phối.

Theo chúng tôi, hoạch định chính sách phân phối là nhiệm vụ quan trọng nhất của Nhà nước trong quản lý, điều tiết quan hệ phân phối ở Việt Nam hiện nay. Trong “sân chơi” thị trường, Nhà nước phải tạo ra “luật chơi” đồng bộ, chặt chẽ và minh bạch làm cơ sở cho “người chơi” điều chỉnh hành vi của mình. Cụ thể trong lĩnh vực phân phối, những quy định của Nhà nước về phân phối thu nhập, phân phối nguồn lực, những chính sách liên quan đến phân phối thành quả phát triển, phân phối cơ hội phát triển, v.v.. sẽ là hành lang pháp lý điều chỉnh quan hệ phân phối. Vì vậy, trong nền kinh tế thị trường, để đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể kinh tế, cũng như đảm bảo phân phối công bằng thì chính sách phân phối của Nhà nước phải toàn diện, thống nhất, chặt chẽ, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, chính sách phân phối ở Việt Nam hiện nay đang bộc lộ nhiều hạn chế như tính thống nhất chưa cao, chưa mang tính chiến lược lâu dài, chưa phù hợp với thực tế nên tính khả thi thấp và chậm đi vào cuộc sống.

Trong chính sách phân phối thu nhập lần đầu, chính sách tiền lương ở Việt Nam hiện nay còn lạc hậu, chưa theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù Đảng và Nhà nước chủ trương thực hiện nguyên tắc phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, trong đó chế độ tiền lương phải đảm bảo yêu cầu tái sản xuất sức lao động và khắc phục tính chất bình quân, nhưng trên thực tế, tiền lương hiện nay không thỏa mãn các yêu cầu đó. Tiền lương của người lao động còn thấp, nhất là trong khu vực nhà nước, chưa đảm bảo cuộc sống của bản thân và gia đình người lao động. Tiền lương vẫn mang nặng tính bình quân, chưa căn cứ chủ yếu vào hiệu quả công việc và giá trị sức lao động.

Trong phân phối lại, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội không theo kịp đòi hỏi của quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa. Vẫn còn phổ biến tình trạng chính sách, chế độ an sinh xã hội được ban hành nhưng không phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, không phù hợp với tâm lý, thói quen của người dân. Nhiều chính sách vừa mới được ban hành đã có đề xuất bổ sung, hủy bỏ hoặc tạm dừng triển khai để chờ hướng dẫn mới. Chẳng hạn như Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, nhưng ngay khi Luật còn chưa có hiệu lực đã có nhiều người lao động kiến nghị sửa đổi điều 60. Nghị quyết sửa đổi điều 60 Luật Bảo hiểm xã hội đã được Quốc hội biểu quyết thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015¹.

Chính sách phân phối nguồn lực cũng có nhiều điểm mâu thuẫn, bất cập như: định hướng chính sách ưu tiên phân phối nguồn lực cho doanh nghiệp nhà nước tạo ra bất bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp trong tiếp cận nguồn lực; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý, sử dụng nguồn lực đất đai cũng như các tài nguyên khác chưa được ban hành đồng bộ, chặt chẽ gây ra tranh chấp và tình trạng lãng phí tài nguyên nghiêm trọng; các chính sách về khoa học – công nghệ chưa tạo được động lực khuyến khích nhà khoa học say mê nghiên cứu, v.v..

Thứ ba, Nhà nước chưa thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách phân phối.

¹ Điều 60 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 20/11/2014) được thiết kế theo hướng khuyến khích người lao động bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội, tích lũy thời gian đóng bảo hiểm xã hội trong quá trình lao động để có thể hưởng lương hưu hàng tháng nhằm bảo đảm cuộc sống khi hết tuổi lao động, thay vì nhận bảo hiểm xã hội một lần. Điều này phù hợp với xu hướng phát triển của hầu hết các nước trên thế giới, nhưng đã vấp phải sự phản ứng của người lao động. Nhiều người lao động có nguyện vọng nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần để có thể trang trải sau khi nghỉ việc. Bởi vậy, họ kiến nghị được lựa chọn hưởng bảo hiểm xã hội một lần, hoặc bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội như quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006.

Do không có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ nên các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực phân phối không được thực hiện một cách nghiêm túc, kịp thời. Trong phân phối thu nhập, nhiều năm qua Nhà nước không kiểm soát được thu nhập của công dân, vì vậy chính sách thuế thu nhập cá nhân không được thực hiện triệt để. Những “kê hở” trong chính sách quản lý, phân phối đã dẫn đến tình trạng thu nhập bất hợp pháp khá phổ biến ở Việt Nam hiện nay. Đối với một bộ phận cán bộ công chức, nhất là những cán bộ công chức có quyền, làm ở những vị trí mà quyết định của họ phát sinh quyền lợi như quyết định dự án đầu tư, thu – chi ngân sách nhà nước, xuất nhập khẩu, đề bạt, bổ nhiệm, v.v., trong khi tiền lương không đủ sống, thì thu nhập ngoài lương lại rất cao và Nhà nước không kiểm soát được. Thu nhập ngoài lương xuất phát từ “phong bì lót tay, bôi trơn, lại quả...” là nguy cơ làm tha hóa đội ngũ công chức. Nhiều hoạt động của bộ máy công quyền vận hành không theo luật định mà bị bóp méo bởi “chất bôi trơn” của các nhóm lợi ích tiêu cực. Tệ nạn này làm đảo lộn các giá trị, chuẩn mực xã hội đích thực, tạo ra môi trường cho hành động trục lợi cá nhân bất hợp pháp [12, tr. 128-129]. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp không thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chế độ tiền lương, trốn và chậm đóng bảo hiểm xã hội đã ảnh hưởng lớn đến lợi ích của người lao động.

Các chính sách phân phối lại ở Việt Nam chưa thật sự hiệu quả, một phần do còn nhiều điểm bất cập trong chính sách, phần khác chủ yếu là do thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Điều này thể hiện rõ qua thực tiễn phân phối thông qua phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Nhiều hoạt động ưu đãi và trợ giúp xã hội còn mang nặng tính hình thức và thiếu bền vững. Đơn cử như chính sách đào tạo cử nhân hệ cử tuyển nhằm phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số. Đây là những sinh viên được các địa phương cử đi học, không phải thi tuyển đầu vào, được hỗ trợ học phí và theo chủ trương thì ra trường được đảm bảo việc làm tại địa phương mà không cần thi tuyển công chức. Nhiều cử nhân cử tuyển tốt nghiệp những trường

sẽ có công ăn việc làm ổn định để có thể thoát nghèo, nhưng cuối cùng lại rơi vào cảnh thất nghiệp, con số này ở nhiều địa phương lên đã tới hàng trăm, điển hình như Thanh Hóa có 850 sinh viên cử tuyển thất nghiệp, ở Sơn La là 700 và Quảng Nam là 150. Theo thống kê, trên cả nước chỉ có hơn một nửa số sinh viên cử tuyển có việc làm [13]. Đặc biệt, tình trạng cán bộ thực thi chính sách an sinh xã hội “ăn bớt” tiền trợ cấp, hoặc làm giả hồ sơ để trục lợi còn khá phổ biến gây bức xúc trong nhân dân. Thực trạng trên đã làm ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả xã hội của các chính sách phân phối và là nguyên nhân gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực.

Trong phân phối nguồn lực, việc chia đều các nguồn lực phát triển cho mọi chủ thể trong xã hội không bao giờ là chính sách tối ưu, bởi nó tạo ra sự dàn trải trong đầu tư phát triển, gây thất thoát và lãng phí nguồn lực. Vì vậy, bên cạnh những chính sách hỗ trợ cho các nhóm yếu thế trong xã hội, ưu tiên cho những ngành, nghề, vùng miền có điều kiện khó khăn, thì Nhà nước cũng cần mạnh dạn đầu tư cho những ngành, vùng kinh tế trọng điểm, mũi nhọn tạo ra những vùng tăng trưởng mạnh là “đầu tàu” tạo đà thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Những chính sách ưu tiên này là cần thiết, và sự phân hóa giàu nghèo hợp lý cũng có nghĩa là nếu cho phép một số ngành, nghề và vùng miền được ưu tiên phát triển và những đối tượng có điều kiện thuận lợi hơn thì tất yếu những đối tượng này có thu nhập cao hơn. Tuy nhiên, sự tồn tại song song của hai cơ chế quản lý và phân phối (kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp và cơ chế thị trường) khiến cho đến nay cơ chế xin – cho vẫn tồn tại và các quan hệ lợi ích “ngầm” hoạt động mạnh. Môi trường đầu tư thiếu minh bạch, sự tha hóa biến chất của bộ phận cán bộ quản lý nhà nước đã buộc nhiều doanh nhân phải “đầu tư” rất lớn về thời gian và tiền bạc để thiết lập và duy trì các mối quan hệ. Thực trạng này đã dẫn đến sự ra đời và phát lên nhanh chóng của những “đại gia” tư nhân lớn, nhỏ ở Việt Nam không phải do có tiến bộ khoa học - công nghệ, không do tăng năng suất lao động hay đóng góp vào bảo vệ môi trường, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội mà chủ yếu do

khai thác tài nguyên đất đai, khai thác gỗ, mỏ, biển, v.v.. Những “đại gia” này mặc nhiên tự cho mình có những đặc quyền riêng, trong không ít trường hợp thiếu tôn trọng pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động [11, tr. 272-273]. Chính tình trạng này là nguyên nhân gây thất thoát nguồn lực (tài sản) quốc gia, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

3. Hệ quả của thực trạng Nhà nước chưa thực hiện tốt vai trò quản lý, điều tiết, phân phối

Như chúng tôi đã đề cập, Nhà nước đóng vai trò quyết định đến việc đảm bảo phân phối công bằng trong nền kinh tế. Mặc dù rất khó đạt tới trạng thái công bằng xã hội tuyệt đối (dù là xét theo chiều dọc hay chiều ngang)², nhưng rõ ràng những hạn chế, yếu kém của Nhà nước trong quản lý, điều tiết, phân phối ở Việt Nam thời gian qua đã làm gia tăng tình trạng bất bình đẳng giữa các chủ thể trong xã hội, vì vậy là trở lực trong quá trình thực hiện mục tiêu công bằng xã hội. Dưới đây, chúng tôi chỉ tập trung phân tích tình trạng phân cực giàu nghèo ở Việt Nam như là một hệ quả tất yếu của tình trạng phân phối không công bằng do Nhà nước chưa thực hiện tốt vai trò trong lĩnh vực phân phối.

Thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội ở các nước trên thế giới và Việt Nam cho thấy sự phân hóa giàu nghèo hợp lý là một động lực phát triển. Trong nền kinh tế thị trường, yêu cầu tất yếu là phải tạo điều kiện cho một bộ phận giàu trước hợp lý, hợp pháp, trở thành “đầu tàu” trong phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, ở Việt Nam, những hạn chế, yếu kém của Nhà nước trong quản lý, điều tiết, phân phối thời gian qua đã khiến cho mặt trái của cơ chế thị

trường tác động mạnh, làm cho sự phân hóa giàu nghèo có xu hướng diễn ra nhanh và đã có biểu hiện phân cực gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực cho xã hội.

Trước đổi mới, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, chúng ta áp dụng hình thức phân phối bằng hiện vật. Với mong muốn “thực hiện xã hội hóa phần lớn cuộc sống, trong đó cả những bữa ăn của các gia đình đều do Nhà nước lo, thương nghiệp quốc doanh là người nội trợ cho toàn xã hội, trẻ con được nuôi dưỡng bằng sữa không mất tiền, sách giáo khoa phát không, người già được xã hội chăm sóc một cách bình đẳng...” [14, tr. 185-186], mục tiêu của phân phối xã hội chủ nghĩa là đảm bảo công bằng giữa mọi đối tượng. Chủ trương này thể hiện lý tưởng tốt đẹp giàu tính nhân văn của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng. Song, cách thức thực hiện phân phối trên thực tế đã biến nguyên tắc phân phối này thành phương thức phân phối bình quân chủ nghĩa. Thời kỳ này, chủ nghĩa bình quân và chế độ công hữu với phương thức quản lý kế hoạch hóa tập trung, bao cấp đã che khuất sự phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam. Trên thực tế, cơ chế phân phối theo kiểu cào bằng đã làm cho tăng trưởng và hiệu quả kinh tế giảm sút; trong khi đó, tệ nạn quan liêu, cửa quyền ngày càng phổ biến; từ đây “tự nhiên” xuất hiện hình thức phân phối không chính thức nhưng lại chi phối khá lớn đến thu nhập, đó là “phân phối theo quyền lực”, làm cho sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập trở nên gia tăng hơn [15, tr. 71].

Từ khi đổi mới, với sự vận hành của cơ chế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo bộc lộ rõ và ngày càng sâu sắc. Cần nhấn mạnh rằng sự phân hóa giàu nghèo là cần thiết để tạo động lực phát triển, và đây cũng là đòi hỏi tất yếu của nền kinh tế thị trường. Bởi lẽ, khi tham gia kinh tế thị trường, mỗi chủ thể với xuất phát điểm về “vốn” nguồn lực khác nhau, với khả năng và sự nỗ lực khác nhau và nhiều khi là nhờ cơ may không giống nhau mà hiệu quả hoạt động không giống nhau, thậm chí chênh lệch nhau rất lớn. Theo đó, thành quả mà mỗi chủ thể thu được, lợi ích mà họ được thụ hưởng phải có sự

² Về công bằng xã hội, các nhà kinh tế học có sự phân biệt công bằng xã hội theo chiều ngang và công bằng xã hội theo chiều dọc. Trong đó, công bằng xã hội theo chiều ngang được hiểu là sự đối xử như nhau đối với những người có đóng góp như nhau; công bằng theo chiều dọc là đối xử khác nhau với những người có những khác biệt bẩm sinh hoặc có điều kiện sống khác nhau.

phân hóa mới tạo được động lực khuyến khích. Tất nhiên, sự phân hóa này phải hợp lý theo từng giai đoạn phát triển, có nghĩa là, ở mỗi giai đoạn phát triển thì tỷ lệ phân hóa giàu – nghèo phải khác nhau; và phải hợp lý giữa các chủ thể trong xã hội ở cùng một thời kỳ. Tuy nhiên, các kết quả khảo sát thời gian qua cho thấy sự phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam còn quá lớn so với sự phát triển và đã có sự phân cực cả về thu nhập, về tài sản, về khả năng tiếp cận và chi trả cho các dịch vụ xã hội cơ bản cũng như kiểm soát các nguồn lực xã hội. Có thể nói, đây là hệ quả tất yếu của những yếu kém, bất cập trong quản lý, điều tiết, phân phối của Nhà nước thời gian qua.

Xét riêng về thu nhập, sự phân hóa giàu nghèo theo nhóm dân cư và vùng địa lý, bao gồm giữa đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn, giữa tộc người đa số và thiểu số đang diễn ra mạnh mẽ. Sự phân hóa thu nhập giàu nghèo theo nhóm dân cư tăng lên nhanh hơn khi quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa được thúc đẩy mạnh. Chênh lệch thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng chia theo thành thị và nông thôn năm 2012 là 1,89 lần, năm 2014 là 1.94 lần; chênh lệch giữa vùng có thu nhập bình quân đầu người cao nhất là Đông Nam Bộ với vùng có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất là vùng Tây Bắc vẫn còn khá lớn, năm 2012 con số này là 3,02 lần, năm 2014 là 3.07 lần [16, tr. 303]. Đặc biệt, sự phân hóa giàu nghèo được thể hiện rõ qua khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa nhóm 20% người giàu nhất và 20% người nghèo nhất tăng từ 4,4 lần năm 1992/1993 [17, tr. 5] lên 9,35 lần năm 2012 và 9,72 lần năm 2014 [16, tr. 303].

Sự phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam đang có xu hướng doãng ra và có biểu hiện phân cực tiềm ẩn nguy cơ đe dọa đến sự ổn định và phát triển của xã hội.

Thứ nhất, sự phân cực giàu nghèo đang cản trở sự phát triển kinh tế.

Sự phân cực giàu nghèo quá lớn là yếu tố kìm hãm sự tăng trưởng và phát triển kinh tế. Sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, miền sẽ tự phát dẫn đến hiện tượng di dân cơ học từ

nông thôn lên thành thị, từ vùng khó khăn sang vùng có điều kiện thuận lợi hơn. Khi hiện tượng này diễn ra phổ biến sẽ tạo áp lực quá tải lên cơ sở hạ tầng đô thị và gây xáo trộn xã hội.

Sự phân cực về thu nhập là nguyên nhân khiến cho tăng trưởng kinh tế không ổn định và không bền vững. Khi khoảng cách giàu nghèo quá lớn, nhất là khi trong xã hội có bộ phận không nhỏ giàu lên bất hợp pháp, sẽ khiến cho nhóm người nghèo, yếu thế và dễ tổn thương trong xã hội cảm thấy tuyệt vọng, không có động lực vươn lên làm giàu chính đáng. Điều này là nguyên nhân gây ra phân tầng xã hội không hợp thức, tức là sự phân tầng được hình thành do làm ăn phi pháp, luồn lọt, xu nịnh, gian dối, mách khoe, thủ đoạn hoặc do những hành vi sai trái, làm ăn bất chính [18, tr. 37]. Khi hố phân cách giàu nghèo quá lớn sẽ làm nảy sinh tâm lý đố kỵ, dẫn đến thái độ hằn học, “thù địch” của người nghèo đối với người giàu, ngay cả khi họ làm giàu chính đáng. Tình cảnh này sẽ làm giảm sự gắn kết xã hội, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến động lực phát triển kinh tế.

Thứ hai, phân cực giàu nghèo tiềm ẩn nguy cơ bất ổn xã hội.

Một khi trong xã hội xuất hiện ngày càng nhiều người giàu lên một cách bất thường, bất hợp lý, thậm chí bất hợp pháp, về lâu dài sẽ khiến cho người dân bức xúc, gia tăng các vụ khiếu kiện, gây mất ổn định xã hội. Bối cảnh này là cơ hội để những thế lực thù địch lợi dụng thực hiện “diễn biến hòa bình”, đe dọa sự tồn vong của đất nước.

Sự phân cực giàu nghèo ảnh hưởng tiêu cực đến đạo đức xã hội. Những người giàu bất minh với nguồn tiền kiếm được phi lao động hoặc bất hợp pháp để có lối sống xa hoa, lãng phí. Trong khi đó, nhóm người nghèo dễ bị tổn thương, không có sức chống chịu với những biến cố, rủi ro trong cuộc đời dễ rơi vào cảnh “cùng đường”. Sự nghèo đói thường đi cùng với thất học, dẫn đến thất nghiệp hoặc việc làm thu nhập thấp và bấp bênh. Những người nghèo bị đẩy vào tình thế “không còn gì để mất” có thể liều lĩnh làm những việc trái với đạo đức và vi phạm pháp luật. Sự xuống cấp đạo đức xã hội khiến

cho tệ nạn xã hội gia tăng là nguy cơ kéo lùi sự phát triển.

Thứ ba, phân cực giàu nghèo phá hoại sự phát triển bền vững.

Sự phân cực về thu nhập tất yếu dẫn đến sự phân cực về chất lượng sống giữa nhóm giàu và nhóm nghèo, điều này thể hiện ở ngay cả hai lĩnh vực căn bản cho sự phát triển con người là y tế và giáo dục. Trên thực tế, những người giàu đều được tiếp cận với dịch vụ giáo dục và chăm sóc sức khỏe tiên tiến do có khả năng chi trả mức phí lớn. Trong khi đó, ở nhóm người nghèo thì cơ hội đến trường (từ bậc học trung học phổ thông) và thụ hưởng dịch vụ y tế có chất lượng tốt chỉ ở mức độ bao trùm hạn chế [7, tr. 91, tr. 97]. Khi khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và giáo dục có chất lượng ngày càng phụ thuộc vào năng lực chi trả thì sự phân hóa giàu nghèo về thu nhập là căn nguyên dẫn đến bất bình đẳng về cơ hội phát triển. Rõ ràng, bình đẳng kết quả (bình đẳng về thu nhập và tiêu dùng) và bình đẳng về cơ hội là “hai mặt của một đồng xu” (UNDP), không có cơ hội bình đẳng thì không thể hiện được kết quả bình đẳng và ngược lại [7, tr. 15]. Trong nền kinh tế thị trường, nếu vai trò điều tiết, phân phối lại của Nhà nước yếu kém thì người nghèo sẽ không có cơ hội được chăm sóc sức khỏe tốt và giáo dục đào tạo tốt, và vì không có sức khỏe tốt và không có trình độ sẽ không thể có công việc tốt với thu nhập đảm bảo cho cuộc sống. Phân cực giàu nghèo sẽ tạo thành một vòng luẩn quẩn không lối thoát cho bài toán phát triển bền vững.

Tóm lại, bài toán đặt ra cho Việt Nam hiện nay là phải tìm ra được sự cân bằng tối ưu xét ở cả hai góc độ kinh tế và xã hội, tức là phải dung hòa được giữa hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội. Thực tế cho thấy, nếu không có sự phân hóa giàu nghèo sẽ không có yếu tố động viên khuyến khích các chủ thể kinh tế nỗ lực hoạt động, theo đó nền kinh tế sẽ mất đi động lực tăng trưởng. Nhưng, một khi các nguyên tắc phân phối chỉ dựa trên hiệu quả kinh tế và thuần túy theo cơ chế thị trường thì tất yếu làm bất bình đẳng gia tăng, dẫn đến phân cực giàu

nghèo đe dọa đến ổn định xã hội. Bản thân nền kinh tế thị trường không thể tự điều chỉnh để giảm thiểu bất bình đẳng xã hội, phân hóa giàu nghèo mà thậm chí còn làm bất bình đẳng gia tăng và khoét sâu thêm hố ngăn cách giàu – nghèo. Trong mọi trường hợp, vai trò quản lý, điều tiết, phân phối nhằm đảm bảo công bằng xã hội và duy trì phân hóa giàu nghèo hợp lý thuộc về Nhà nước. Tuy nhiên, Nhà nước không được tùy tiện can thiệp vào hoạt động của thị trường mà phải luôn đảm bảo nguyên tắc: “Sự can thiệp của Nhà nước chỉ nhằm sửa chữa, khắc phục những khuyết tật vốn có của kinh tế thị trường, tạo ra những công cụ quan trọng điều tiết thị trường ở tầm vĩ mô; kiểm chế sức mạnh nguy hiểm tự phát chứa đựng trong lòng thị trường, đồng thời đảm bảo phát triển một cách tự do” [4, tr. 8]. Song, Nhà nước Việt Nam vẫn chưa đảm bảo nguyên tắc này, đây chính là tình trạng “vừa thừa vừa thiếu Nhà nước” trong điều tiết, phân phối. Thực trạng Nhà nước chưa thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát kinh tế là nguyên nhân căn bản khiến cho mặt trái của cơ chế thị trường tác động mạnh trong lĩnh vực phân phối. Trong nhiều trường hợp, Nhà nước đã “buông lỏng” quản lý để cho thị trường tự do điều tiết đã tạo thời cơ cho những hành vi bằng mọi cách, mọi giá, mọi thủ đoạn để mưu cầu lợi ích riêng mà chà đạp lên lợi ích của người khác hay phá hoại lợi ích chung. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp Nhà nước lại can thiệp bất hợp lý vào các hoạt động kinh tế. Việc tồn tại quá lâu cơ chế xin – cho đã làm méo mó các quan hệ kinh tế, tạo cơ hội cho các lợi ích nhóm hoạt động. Tất cả đều là nguyên nhân dẫn đến bất bình đẳng trong quan hệ phân phối ở Việt Nam hiện nay.

4. Khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều tiết, phân phối của Nhà nước

Để khắc phục tình trạng trên, yêu cầu cấp thiết đặt ra hiện nay là Nhà nước phải thực hiện tốt vai trò đảm bảo phân phối công bằng. Muốn vậy, chúng tôi thiết nghĩ Nhà nước cần quán triệt các nguyên tắc sau trong quản lý, điều tiết và phân phối:

Một là, sự can thiệp của Nhà nước vào các hoạt động trong lĩnh vực phân phối phải xuất phát từ lợi ích tổng thể của xã hội và phải căn cứ trên các thất bại thị trường cũng như khả năng bỏ khuyết, sửa chữa thất bại đó, nhằm giúp cho nền kinh tế vận hành hiệu quả hơn, phân phối lợi ích công bằng hơn.

Hai là, sự can thiệp của Nhà nước vào quan hệ phân phối vì mục tiêu công bằng không chỉ thông qua các chính sách phân phối hợp lý mà còn thông qua chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Ba là, việc hoạch định, thực thi chính sách phân phối luôn phải đi đôi với công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ và hiệu quả.

Cần nhấn mạnh rằng, chỉ khi có sự phối hợp chặt chẽ, hợp lý giữa Nhà nước với các chủ thể phân phối mới có thể thực hiện phân phối công bằng.

5. Kết luận

Từ khi đổi mới đến nay, những nỗ lực của Nhà nước trong đổi mới quản lý, điều tiết, phân phối đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều yếu kém, bất cập. Việc Nhà nước can thiệp bất hợp lý vào quan hệ phân phối, chưa thực hiện tốt nhiệm vụ hoạch định, kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách phân phối là nguyên nhân gây ra phân phối công bằng. Tình trạng phân cực giàu nghèo và những hệ lụy của nó đặt ra yêu cầu cấp bách phải nâng cao hiệu quả quản lý, điều tiết, phân phối của Nhà nước theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, đồng thời đảm bảo công bằng xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Mai Thị Kim Thanh, Giáo trình nhập môn Công tác xã hội, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2011.
- [2] Mai Hữu Thực, Vai trò của Nhà nước trong phân phối thu nhập ở nước ta hiện nay, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
- [3] Nguyễn Minh Hoàn, Công bằng xã hội trong tiến bộ xã hội, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.
- [4] Nguyễn Thị Lan Hương, Vai trò của Nhà nước Việt Nam trong quản lý và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Tạp chí Triết học 7 (2015) 3.
- [5] Lê Bình, Vai trò của Nhà nước đối với thực hiện công bằng về cơ hội phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ở Việt Nam, Tạp chí Triết học 1 (2015) 8.
- [6] Lương Đình Hải, Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay, Tạp chí Triết học 9 (2015) 16.
- [7] Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Chương trình phát triển Liên hợp quốc, Tăng trưởng vì mọi người - Báo cáo Phát triển con người Việt Nam năm 2015 về tăng trưởng bao trùm, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2016.
- [8] Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Viết Thông (đồng chủ biên), Một số vấn đề lý luận – thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2016.
- [9] Ban Kinh tế Trung ương, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2016.
- [10] Trần Văn Rón, Lương Đình Hải, Thực hiện công bằng xã hội đối với các hình thức sở hữu vì sự phát triển con người ở nước ta hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu Con người 3 (2015) 52.
- [11] Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Báo cáo kinh tế vĩ mô 2012: Từ bất ổn đến con đường tái cơ cấu, NXB Tri thức, Hà Nội, 2012.
- [12] Vũ Thanh Sơn (chủ biên), Phân phối bình đẳng các nguồn lực kinh tế - Tiếp cận lý luận và thực tiễn ở một số quốc gia, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014.
- [13] Trung tâm Tin tức VTV24 - Đài Truyền hình Việt Nam, “Nhiều sinh viên cử tuyển thất nghiệp sau khi ra trường”, <http://vtv.vn/chuyen-dong-24h/nhieu-sinh-vien-cu-tuyen-that-nghiep-sau-khi-ra-truong-20160512142418534.htm>, cập nhật ngày 12 tháng 05 năm 2016.
- [14] Đặng Phong, Tư duy kinh tế Việt Nam 1975 – 1989, NXB Tri thức, Hà Nội, 2014.
- [15] Hội đồng Lý luận Trung ương, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia Mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: cơ sở lý

- luận và thực tiễn, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2009.
- [16] Tổng cục Thống kê, Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2014, NXB Thống kê, Hà Nội, 2016.
- [17] Đỗ Thiên Kính, Xu hướng bất bình đẳng về mức sống ở Việt Nam và khu vực nông thôn trong giai đoạn 1992 - 2012, *Tạp chí Nghiên cứu Con người* 5 (2015) 3.
- [18] Nguyễn Đình Tấn, Phân tầng xã hội hợp thức và giải pháp thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* 5 (2014) 37.

The Role of the State in Assuring the Fairness of Distribution in Vietnam Today: Some Issues

Le Thi Vinh

VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Abstract: The paper analyzes the issues arisen from the implementation of the State's role in assuring the fairness of distribution through a philosophical approach. First, the paper analyzes the shortcomings of the State in ensuring equitable distribution, namely the State's unreasonable interference in the distribution relations, its failure to properly implement the planning, inspecting and supervising tasks in the implementation of the distribution policies. Second, the paper discusses the consequence resulted from the State's improper implementation of the management, regulation and distribution roles; specifically, the gap between the rich and the poor is widening and polarizing, threatening social stability and development. Third, the paper proposes some principles for the State to consider for implementing to further assure fair distribution.

Keywords: The role of the State, the distribution relations, fair distribution.